

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 12 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lìl

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Út

Bà Trần Thị Bé Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hồ Hoàng D, sinh năm: 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã L, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Chị Bùi Chúc L, sinh năm: 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã L, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hồ Hoàng D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1996 anh Hồ Hoàng D và chị Bùi Chúc L tự nguyện tổ chức lễ cưới, quá trình chung sống anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, có con chung nhưng đến năm 2019 xảy ra mâu thuẫn, thường bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh chị đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Về con chung: Anh D và chị L có 02 con chung tên Hồ Hoàng Tr (Giới tính: Nam) sinh năm 1996 và cháu Hồ Hoàng Kh (Giới tính: Nam) sinh năm 2000. Con chung hiện đã trưởng thành nên anh D không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hồ Hoàng D yêu cầu được ly hôn với chị Bùi Chúc L, con chung hiện tại cháu Hồ Hoàng Tr và Hồ Hoàng Kh đã trưởng thành nên anh D không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn chị Bùi Chúc L nhưng chị Bùi Chúc L vắng mặt không lý do. Nên Tòa án không tiến hành ghi được lời khai của bị đơn chị Bùi Chúc L, cũng như chị Bùi Chúc L cũng không có văn bản nào trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Hoàng D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Bùi Chúc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị Bùi Chúc L.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn”, căn cứ các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Hồ Hoàng D và chị Bùi Chúc L tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 1996 và sống chung như vợ chồng cho đến nay, quá trình chung sống anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng nên anh Hồ Hoàng D yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Chúc L. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Hồ Hoàng D với chị Bùi Chúc L không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng nay anh D yêu cầu L hôn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình “*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng ...*” và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”. Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận anh Hồ Hoàng D và chị Bùi Chúc L là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Anh D và chị L có 02 con chung, tên Hồ Hoàng Tr (Giới tính: Nam) sinh năm 1996 và cháu Hồ Hoàng Kh (Giới tính: Nam) sinh năm 2000. Các cháu hiện đã trưởng thành, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận chưa yêu cầu giải quyết nên chưa xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn anh Hồ Hoàng D phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Hồ Hoàng D và chị Bùi Chúc L là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh D và chị L có 02 con chung, tên Hồ Hoàng Tr (Giới tính: Nam) sinh năm 1996 và cháu Hồ Hoàng Kh (Giới tính: Nam) sinh năm 2000. Các cháu hiện đã trưởng thành, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận chưa yêu cầu giải quyết nên chưa xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Hồ Hoàng D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), anh D được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo phiếu thu số 17/2023-Q2, lập ngày 06 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKS ND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Lil